RSM

CÔNG TY CỔ PHẦN
LOGISTICS VINALINK

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

CÔNG TY
C° PHЬIN
LOGISTICS
VINALINK

Digitally signed by CÔNG TY C°
PHЬIN LOGISTICS VINALINK
DN: cn=CÔNG TY C° PHЬIN
LOGISTICS VINALINK c=VN l=226/2
Lê VŁn S: , PhỀ ng 1, Quđn Tân
Bình, Thành Ph´ H° Chí Minh
e=thanhlt@vinalinklogistics.com
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2023-08-29 09:57+07:00

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Vũ Thế Đức	Chủ tịch
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên
Ông Đỗ Phú Kim	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/04/2023)
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26/04/2023)

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng ban
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

Tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Quốc Bảo	Phó Tổng Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0301715205-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Nam Tiến
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2023

RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026
F +8428 3827 5027

www.rsm.global/vietnam

Số: 35/2023/SX-RSMHCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Logistics Vinalink, được lập ngày 28 tháng 08 năm 2023, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a seperate legal entity in any jurisdiction.

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0302361789 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN RSM VIỆT NAM - QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Lục Thị Vân
Phó Tổng giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0172-2023-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**274.257.264.255**	**273.647.046.036**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	4.1	**65.688.626.627**	**85.975.264.733**
1. Tiền	111		33.688.626.627	52.975.264.733
2. Các khoản tương đương tiền	112		32.000.000.000	33.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	4.6	**30.000.000.000**	**15.000.000.000**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		30.000.000.000	15.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**177.437.422.116**	**171.654.509.339**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	177.497.675.904	166.104.792.026
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.014.802.419	5.813.055.389
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		4.562.647.540	9.374.365.671
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.3	(9.637.703.747)	(9.637.703.747)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**1.131.215.512**	**1.017.271.964**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		88.089.600	332.504.640
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		518.893.720	160.535.132
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.8	524.232.192	524.232.192
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**89.604.517.425**	**87.187.367.573**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**2.477.730.880**	**1.919.730.880**
1. Phải thu dài hạn khác	216		2.477.730.880	1.919.730.880
II. Tài sản cố định	**220**		**43.673.797.116**	**44.721.079.388**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.4	17.431.297.116	18.456.079.388
Nguyên giá	222		50.554.322.250	51.868.290.648
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(33.123.025.134)	(33.412.211.260)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.5	26.242.500.000	26.265.000.000
Nguyên giá	228		26.400.000.000	26.400.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(157.500.000)	(135.000.000)
III. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	4.6	**41.348.614.037**	**39.348.614.037**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		43.606.493.302	41.606.493.302
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		726.150.000	726.150.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(2.984.029.265)	(2.984.029.265)
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**2.104.375.392**	**1.197.943.268**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.104.375.392	1.197.943.268
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**363.861.781.680**	**360.834.413.609**

(Xem tiếp trang sau)

Mẫu số B 01a - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**102.180.864.335**	**112.964.716.209**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**59.821.489.335**	**70.605.391.209**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.7	39.077.363.006	40.115.694.685
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		691.063.562	2.407.878.138
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.8	3.327.880.618	4.722.620.931
4. Phải trả người lao động	314	4.9	5.030.180.193	13.720.209.923
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		6.609.264.858	4.042.543.346
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.10	3.768.275.235	4.296.982.323
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.317.461.863	1.299.461.863
II. Nợ dài hạn	**330**		**42.359.375.000**	**42.359.325.000**
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.11	9.500.000.000	9.500.000.000
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.10	32.859.375.000	32.859.325.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**261.680.917.345**	**247.869.697.400**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	4.12.1	**261.680.917.345**	**247.869.697.400**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	4.12.2	94.270.000.000	94.270.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		94.270.000.000	94.270.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.950.000.000	4.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.000.000.000	10.000.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		152.460.917.345	138.649.697.400
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		130.230.097.400	101.335.252.556
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.230.819.945	37.314.444.844
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**363.861.781.680**	**360.834.413.609**

Nguyễn Nam Tiến	**Nguyễn Anh Nam**	**Lê Thị Thanh Thanh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.14	335.371.488.133	667.534.538.411
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		335.371.488.133	667.534.538.411
3. Giá vốn hàng bán	11	4.15	313.583.609.223	638.415.154.525
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		21.787.878.910	29.119.383.886
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.16	15.507.203.134	17.087.802.088
6. Chi phí tài chính	22		1.841.391.442	1.353.054.290
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.17	10.686.507.021	10.012.548.498
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.767.183.581	34.841.583.186
9. Thu nhập khác	31		63.636.364	-
10. Chi phí khác	32		-	59.719.178
11. Lợi nhuận khác	40		63.636.364	(59.719.178)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		24.830.819.945	34.781.864.008
13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.19	2.600.000.000	4.181.088.617
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		22.230.819.945	30.600.775.391
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.12.4	1.541	2.121
16. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.12.4	1.541	2.121

Nguyễn Nam Tiến	**Nguyễn Anh Nam**	**Lê Thị Thanh Thanh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**		**24.830.819.945**	**34.781.864.008**
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.18	1.047.282.272	1.196.432.445
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		457.705.260	271.562.958
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.674.149.927)	(14.105.541.551)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**13.661.657.550**	**22.144.317.860**
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.096.889.821)	49.041.371.401
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(10.620.524.429)	(54.308.402.788)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(662.017.084)	(830.196.126)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.8	(3.593.898.449)	(4.311.143.448)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(681.000.000)	(949.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**(6.992.672.233)**	**10.786.446.899**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(320.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		63.636.364	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(15.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	400.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.000.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.087.964.042	6.605.541.551
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**(5.848.399.594)**	**6.685.541.551**

(Xem tiếp trang sau)

Mẫu số B 03a - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	4.270.000.000
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	4.12.5	(7.541.600.000)	(7.200.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**(7.541.600.000)**	**(2.930.000.000)**
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**(20.382.671.827)**	**14.541.988.450**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		85.975.264.733	55.560.434.999
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		96.033.721	116.008.475
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	4.1	**65.688.626.627**	**70.218.431.924**

Nguyễn Nam Tiến	**Nguyễn Anh Nam**	**Lê Thị Thanh Thanh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Mẫu số B 09a – DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng, được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM ngày 24 tháng 06 năm 1999 về chuyển đổi Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

- Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 17 tháng 08 năm 2023 để cập nhật vốn điều lệ mới nhất.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 94.270.000.000 VND.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cập nhật mới nhất vào ngày 17 tháng 08 năm 2023 là 141.404.870.000 VND – Xem thêm Mục 4.24.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là 311 (31/12/2022: 312).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ vận tải.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động logistics;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: Kinh doanh vận tải nội địa và quá cảnh (trừ hóa lỏng khi để vận chuyển);
- Chuyển phát;
- Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không);
- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu. Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý container cho các hãng tàu; cung ứng tàu biển. Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài. Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng. Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu. Dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện. Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Kinh doanh các dịch vụ về kho gom hàng lẻ xuất nhập khẩu (CFS). Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu. Kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

1.4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong kỳ này, do nhu cầu của thị trường xuất nhập khẩu giảm mạnh dẫn đến thị trường ngành logistics bị ảnh hưởng tương ứng. Do đó, doanh thu và lợi nhuận sau thuế của Công ty trong kỳ này giảm đáng kể với mức giảm tương ứng khoảng 50% và 27% so với kỳ trước.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2023, Công ty có các công ty liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Ngành nghề hoạt động chính	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty liên doanh, liên kết:					
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận Tải Miền Trung	Cung cấp các dịch vụ vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu; đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài; dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu; kinh doanh kho bãi theo quy định của pháp luật	184 Đường Trần Phú, Phường Phước Ninh, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng	27,89%	27,89%	27,89%
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	Lô KB13, đường T5, Khu thương mại - công nghiệp Kim Thành, Phường Duyên Hải, Thành phố Lào Cai, Tỉnh Lào Cai	30,00%	56,52%	56,52%
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết	Cung cấp dịch vụ đại lý vận chuyển quốc tế	Số 30 Đường Phan Thúc Duyện, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ Phần Vận Chuyển Vinalink	Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; gửi hàng; giao nhận hàng hóa; hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan	Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	Cung cấp dịch vụ vận tải và giao nhận hàng đông lạnh, hàng hóa xuất nhập khẩu; dịch vụ xây dựng và cho thuê kho bãi; dịch vụ xây dựng và lắp đặt máy móc, thiết bị, nhà xưởng	18A Lưu Trọng Lư, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh	25,00%	9,15%	9,15%
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	Cung cấp dịch vụ đại lý vận chuyển quốc tế	Số 46-48 Đường Hậu Giang, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh	50,00%	30,00%	30,00%
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Cung cấp dịch vụ đại lý vận tải biển, làm đại lý container, thực hiện các nghiệp vụ khác theo ủy quyền	Số 436 - 438 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh	33,33%	20,00%	20,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 30 tháng 06 năm 2023 gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-001 với lần thay đổi gần nhất là vào ngày 29 tháng 07 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Ngành nghề hoạt động chính của chi nhánh là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;

- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696 ngày 22 tháng 09 năm 2009. Sau đó, Giấy chứng nhận này được thay đổi bằng Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-002 với lần thay đổi gần nhất là vào ngày 17 tháng 05 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Ngành nghề hoạt động chính của chi nhánh là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;

- Chi nhánh tại Đà Nẵng được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký hoạt động chi nhánh số 0301776205-003 ngày 17 tháng 05 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp và Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 09 tháng 11 năm 2021. Ngành nghề hoạt động chính của chi nhánh là vận tải hàng hóa bằng đường bộ, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.

Các đơn vị trực thuộc đều có cùng ngành nghề hoạt động chính với trụ sở chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính năm 2022.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Tiền mặt	741.111.469	1.338.584.452
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.947.515.158	48.125.180.281
Tiền đang chuyển	-	3.511.500.000
Các khoản tương đương tiền (*)	32.000.000.000	33.000.000.000
Cộng	**65.688.626.627**	**85.975.264.733**

(*) Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng bằng VND tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam với lãi suất từ 4,0%/năm đến 4,75%/năm.

4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm Mục 4.21	86.883.368	23.242.846
Phải thu khách hàng trong nước:	173.069.711.663	161.254.297.620
Công ty TNHH Techtronic Industries Việt Nam Manufacturing	*70.472.096.739*	*55.610.947.019*
Công ty Cổ phần Hàng không Vietjet	*28.181.668.138*	*27.133.942.211*
Công ty TNHH Giao Nhận Daijin Việt Nam	*11.038.718.559*	*11.324.728.510*
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Gia Bảo Hưng	*9.856.800.000*	*9.856.800.000*
Công ty TNHH Logistics Đông Dương và Viễn Đông	*4.789.067.772*	*4.924.395.095*
Các khách hàng khác (*)	*48.731.360.455*	*52.403.484.785*
Phải thu khách hàng nước ngoài:	4.341.080.873	4.827.251.560
TPF Sports HK Ltd	*1.656.984.381*	*821.412.421*
Alisped Japan Ltd.	*108.860.246*	*1.033.975.923*
Các khách hàng khác (*)	*2.575.236.246*	*2.971.863.216*
Cộng	**177.497.675.904**	**166.104.792.026**

(*) Tại ngày 30/06/2023, mỗi khoản phải thu các khách hàng khác có số dư nhỏ hơn 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3. Nợ xấu

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	12.713.767.725	3.076.063.978	12.713.767.725	3.076.063.978

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND			Tại ngày 01/01/2023 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Gia Bảo Hưng	9.856.800.000	2.957.040.000	Trên 3 năm	9.856.800.000	2.957.040.000	Từ 2 năm – 3 năm
Công ty TNHH Một Thành Viên Thoát nước Hà Nội	2.042.078.500	-	Trên 3 năm	2.042.078.500	-	Trên 3 năm
Khác	814.889.225	119.023.978	Từ trên 2 năm	814.889.225	119.023.978	Từ trên 2 năm
Cộng	**12.713.767.725**	**3.076.063.978**		**12.713.767.725**	**3.076.063.978**	

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2023	21.838.529.093	518.990.476	28.845.267.575	665.503.504	51.868.290.648
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.313.968.398)	-	(1.313.968.398)
Tại ngày 30/06/2023	**21.838.529.093**	**518.990.476**	**27.531.299.177**	**665.503.504**	**50.554.322.250**
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2023	9.057.947.640	341.886.603	23.486.395.178	525.981.839	33.412.211.260
Khấu hao trong kỳ	438.253.566	27.246.756	534.711.950	24.570.000	1.024.782.272
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.313.968.398)	-	(1.313.968.398)
Tại ngày 30/06/2023	**9.496.201.206**	**369.133.359**	**22.707.138.730**	**550.551.839**	**33.123.025.134**
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2023	12.780.581.453	177.103.873	5.358.872.397	139.521.665	18.456.079.388
Tại ngày 30/06/2023	**12.342.327.887**	**149.857.117**	**4.824.160.447**	**114.951.665**	**17.431.297.116**

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình tại ngày 30/06/2023 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 21.929.055.087 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.5. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	26.130.000.000	270.000.000	26.400.000.000
Tại ngày 30/06/2023	**26.130.000.000**	**270.000.000**	**26.400.000.000**
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2023	-	135.000.000	135.000.000
Khấu hao trong kỳ	-	22.500.000	22.500.000
Tại ngày 30/06/2023	**-**	**157.500.000**	**157.500.000**
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	26.130.000.000	135.000.000	26.265.000.000
Tại ngày 30/06/2023	**26.130.000.000**	**112.500.000**	**26.242.500.000**

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.6. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam với lãi suất từ 6,7%/năm đến 8%/năm tại ngày 30/06/2023.

Đầu tư tài chính dài hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND			Tại ngày 01/01/2023 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:						
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	19.120.589.000		2.984.029.265	19.120.589.000		2.984.029.265
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung	8.784.000.000		-	8.784.000.000		-
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	4.908.430.302		-	4.908.430.302		-
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	4.000.000.000		-	2.000.000.000		-
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	3.918.874.000		-	3.918.874.000		-
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết	1.927.800.000		-	1.927.800.000		-
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	946.800.000		-	946.800.000		-
Cộng	**43.606.493.302**		**2.984.029.265**	**41.606.493.302**		**2.984.029.265**
Đầu tư vào đơn vị khác:						
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans	726.150.000		-	726.150.000		-

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.7. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán trong nước:	18.835.612.294	18.835.612.294	18.360.688.823	18.360.688.823
Công ty TNHH Đầu Tư và Thương mại Minh Phương Nam Hà Nội	*1.853.508.004*	*1.853.508.004*	*1.008.409.731*	*1.008.409.731*
Công ty TNHH Thương Mại - Dịch Vụ - Vận Tải Vận Toàn	*1.452.315.700*	*1.452.315.700*	*835.741.800*	*835.741.800*
Các nhà cung cấp khác	*15.529.788.590*	*15.529.788.590*	*16.516.537.292*	*16.516.537.292*
Phải trả người bán nước ngoài:	20.241.750.712	20.241.750.712	21.755.005.862	21.755.005.862
Trimanson Express Ltd.	*2.074.653.463*	*2.074.653.463*	*1.217.498.262*	*1.217.498.262*
Skylift Consolidator Pte Ltd	*1.322.650.088*	*1.322.650.088*	*317.423.633*	*317.423.633*
BTX Global Logistics	*1.092.800.675*	*1.092.800.675*	*1.652.167.079*	*1.652.167.079*
Express Line Corporation	*1.041.863.813*	*1.041.863.813*	*1.267.339.093*	*1.267.339.093*
Các nhà cung cấp khác	*14.709.782.673*	*14.709.782.673*	*17.300.577.795*	*17.300.577.795*
Cộng	**39.077.363.006**	**39.077.363.006**	**40.115.694.685**	**40.115.694.685**

(*) Tại ngày 30/06/2023, phải trả các nhà cung cấp khác có số dư mỗi khoản dưới 10% tổng số phải người bán ngắn hạn.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2023 VND		Trong kỳ VND			Tại ngày 01/01/2023 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Đã khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	221.287.532	13.264.431.681	1.498.485.903	11.721.403.615	-	176.745.369
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.600.000.000	2.600.000.000	3.593.898.449	-	-	3.593.898.449
Thuế thu nhập cá nhân	-	425.995.299	4.596.838.545	5.034.931.701	-	-	864.088.455
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	524.232.192	-	1.117.952.855	1.117.952.855	-	524.232.192	-
Các loại thuế khác	-	80.597.787	391.229.567	398.520.438	-	-	87.888.658
Cộng	**524.232.192**	**3.327.880.618**	**21.970.452.648**	**11.643.789.346**	**11.721.403.615**	**524.232.192**	**4.722.620.931**

Trong năm 2018, Công ty Cổ phần Logistics Vinalink đã nhận được các văn bản từ các cơ quan hữu quan như sau:

- Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về việc xác định lại đơn giá tiền thuê đất giai đoạn năm 2016 - 2020, theo đó đơn giá được xác định lại này thấp hơn so với đơn giá đang được Công ty áp dụng theo các Thông báo của Chi cục Thuế Quận 4;

- Biên bản làm việc giữa Chi cục Thuế Quận 4 và Công ty ngày 26 tháng 12 năm 2018, theo đó:

  - Chi cục Thuế Quận 4 đồng ý điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất năm 2018 theo Thông báo số 14379/TB-CT-KTTĐ ngày 12 tháng 09 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và sau đó ban hành Thông báo số 163/CCT-TB ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc điều chỉnh tiền thuê đất phải nộp;
  - Trong thời gian chờ kết luận của Kiểm toán Nhà Nước đang tiến hành kiểm tra, Chi cục Thuế Quận 4 chưa điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất cho giai đoạn năm 2016 – 2017 cho Công ty.

Hiện tại, Chi cục Thuế Quận 4 vẫn chưa có quyết định điều chỉnh đơn giá tiền thuê đất cho giai đoạn năm 2016 – 2017 cho Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.9. Phải trả người lao động

Là quỹ lương trong kỳ còn phải trả cho người lao động tại ngày 30/06/2023.

4.10. Phải trả khác

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Ngắn hạn:		
Hoa hồng phải trả	2.434.704.453	3.269.484.465
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.333.570.782	1.027.497.858
Cộng	**3.768.275.235**	**4.296.982.323**
Dài hạn:		
Tạm ứng tiền đền bù di dời (*)	32.800.000.000	32.800.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	59.375.000	59.325.000
Cộng	**32.859.375.000**	**32.859.325.000**

(*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội đã trả cho Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink theo Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - Xem thêm Mục 4.25.

4.11. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

Là khoản lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhận trước theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12 ngày 14 tháng 11 năm 2014 còn lại chờ phân bổ - Xem thêm Mục 4.25.

Từ năm 2021, căn cứ vào tình hình thực tế, Công ty đã có Công văn số 420/2021/CV/VNL-ADM ngày 01/04/2021 điều chỉnh kế hoạch phân bổ lợi nhuận hợp tác kinh doanh nhận trước của Hợp đồng 2391/HĐHT.12 nêu trên cho thời gian còn lại phù hợp theo tiến độ thực hiện của hợp đồng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.12. Vốn chủ sở hữu

4.12.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2022	90.000.000.000	4.950.000.000	10.000.000.000	113.998.752.556	218.948.752.556
Tăng vốn trong 06 tháng đầu năm trước	4.270.000.000	-	-	-	4.270.000.000
Lợi nhuận trong 06 tháng đầu năm trước	-	-	-	30.600.775.391	30.600.775.391
Chia cổ tức đợt 2 năm 2021	-	-	-	(7.200.000.000)	(7.200.000.000)
Chia cổ tức đợt 3 năm 2021	-	-	-	(4.713.500.000)	(4.713.500.000)
Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021	-	-	-	(750.000.000)	(750.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2022	94.270.000.000	4.950.000.000	10.000.000.000	131.936.027.947	241.156.027.947
Lợi nhuận trong 06 tháng cuối năm trước	-	-	-	13.312.569.453	13.312.569.453
Chia cổ tức đợt 1 năm 2022	-	-	-	(6.598.900.000)	(6.598.900.000)
Số dư tại ngày 01/01/2023	94.270.000.000	4.950.000.000	10.000.000.000	138.649.697.400	247.869.697.400
Lợi nhuận trong 06 tháng đầu năm nay	-	-	-	22.230.819.945	22.230.819.945
Chia cổ tức đợt 2 năm 2022	-	-	-	(7.541.600.000)	(7.541.600.000)
Trích lập Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022	-	-	-	(878.000.000)	(878.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2023	**94.270.000.000**	**4.950.000.000**	**10.000.000.000**	**152.460.917.345**	**261.680.917.345**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.12.2. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp tại ngày 01/01	94.270.000.000	90.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	4.270.000.000
Vốn góp tại ngày 30/06	**94.270.000.000**	**94.270.000.000**

4.12.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	9.427.000	9.427.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	9.427.000	9.427.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	9.427.000	9.427.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

4.12.4. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Công ty	22.230.819.945	30.600.775.391
Tạm trích quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (*)	(444.616.399)	(612.015.508)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	21.786.203.546	29.988.759.883
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (**)	14.140.487	14.140.487
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	**1.541**	**2.121**

(*) Quỹ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (Quỹ khen thưởng phúc lợi) được trừ ra khi tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tạm tính dựa vào tỷ lệ phân bổ trên lợi nhuận sau thuế năm 2023 là 2% theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 04 năm 2023.

(**) Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ được tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	9.427.000	9.000.000
Ảnh hưởng của 427.000 cổ phiếu phổ thông chào bán cho người lao động ngày 05 tháng 04 năm 2022	-	427.000
Ảnh hưởng của 4.713.487 cổ phiếu phổ thông phát hành để chia cổ tức ngày 25 tháng 07 năm 2023	4.713.487	4.713.487
Cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	**14.140.487**	**14.140.487**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.12.5. Cổ tức đã trả

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả trên tổng số của cổ phiếu phổ thông	(7.541.600.000)	(7.200.000.000)

4.13. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Ngoại tệ các loại:		
USD	236.055,38	1.064.899,72

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Nợ khó đòi đã xử lý do không còn khả năng thu hồi:		
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Xuất Nhập Khẩu Kim Hợp Phát	999.534.500	999.534.500
Công ty TNHH Techcom Life Technologies Việt Nam	426.723.472	426.723.472
Cộng	**1.426.257.972**	**1.426.257.972**

4.14. Doanh thu cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu trụ sở TP. Hồ Chí Minh:	227.359.471.921	435.700.199.047
Dịch vụ đường biển	*77.193.671.909*	*196.552.063.573*
Dịch vụ hàng không	*100.713.539.593*	*189.547.873.577*
Dịch vụ logistics	*49.452.260.419*	*49.600.261.897*
Doanh thu chi nhánh Hà Nội	91.535.750.878	208.631.716.317
Doanh thu chi nhánh Hải Phòng	13.727.164.963	15.936.170.329
Doanh thu chi nhánh Đà Nẵng	2.749.100.371	7.266.452.718
Cộng	**335.371.488.133**	**667.534.538.411**
Trong đó, doanh thu cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm Mục 4.21	615.837.264	264.017.682

Mục 1.4 của Bản thuyết minh này trình bày nguyên nhân giảm doanh thu kỳ này so với kỳ trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.15. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn trụ sở TP. Hồ Chí Minh:	204.405.786.919	413.858.433.497
Dịch vụ đường biển	*69.592.314.111*	*184.885.250.770*
Dịch vụ hàng không	*90.889.511.272*	*188.899.925.850*
Dịch vụ logistics	*43.923.961.536*	*40.073.256.877*
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	94.096.804.714	204.357.477.054
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	11.442.154.942	12.308.572.924
Giá vốn chi nhánh Đà Nẵng	3.638.862.648	7.890.671.050
Cộng	**313.583.609.223**	**638.415.154.525**

Giá vốn hàng bán giảm tương ứng với doanh thu.

4.16. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	11.422.549.521	13.900.000.000
Lãi tiền gửi	1.458.957.192	205.541.551
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.625.696.421	2.982.260.537
Cộng	**15.507.203.134**	**17.087.802.088**

4.17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	5.927.687.224	6.585.413.624
Chi phí vật liệu	26.301.198	155.729.195
Chi phí đồ dùng văn phòng	8.566.000	33.377.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	588.455.142	270.467.964
Chi phi thuế, phí và lệ phí	5.000.000	5.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.422.007.774	2.090.401.920
Các khoản chi phí quản lý khác	708.489.683	872.158.795
Cộng	**10.686.507.021**	**10.012.548.498**

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.18. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	35.745.164.639	40.835.205.639
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.047.282.272	1.196.432.445
Chi phí dịch vụ mua ngoài	267.235.983.055	577.524.470.100
Chi phí khác bằng tiền	20.241.686.278	28.871.594.839
Cộng	**324.270.116.244**	**648.427.703.023**

4.19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Là chi phí thuế TNDN tạm tính trên thu nhập chịu thuế kỳ này.

4.20. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Miền Nam: Thành phố Hồ Chí Minh;
- Miền Bắc: Thành phố Hà Nội và Thành phố Hải Phòng;
- Miền Trung: Thành phố Đà Nẵng.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2023:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Miền Nam		Miền Bắc		Miền Trung		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	227.359	435.700	105.263	224.568	2.749	7.266	-	-	335.371	667.535
Giữa các bộ phận	1.110	10.688	22.113	27.498	1.053	1.111	(24.276)	(39.297)	-	-
Cộng	**228.469**	**446.388**	**127.376**	**252.066**	**3.802**	**8.377**	**(24.276)**	**(39.297)**	**335.371**	**667.535**
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Kết quả của bộ phận	22.954	21.842	(276)	7.902	(890)	(624)	-	-	21.788	29.119
Chi phí không phân bổ									(10.687)	(10.013)
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính									11.101	19.106
Thu nhập tài chính									15.507	17.088
Chi phí tài chính									(1.841)	(1.353)
Lợi nhuận khác									64	(60)
Thuế thu nhập doanh nghiệp									(2.600)	(4.181)
Lợi nhuận sau thuế									**22.231**	**30.601**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Các thông tin khác

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Miền Nam		Miền Bắc		Miền Trung		Loại trừ		Tổng cộng	
	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023	Tại ngày 30/06/2023	Tại ngày 01/01/2023
Tài sản của bộ phận	351.995	342.270	65.974	63.452	2.992	3.906	(57.100)	(48.794)	363.862	360.834
Tổng tài sản									**363.862**	**360.834**
Nợ phải trả của bộ phận	91.961	98.328	64.437	59.947	2.883	3.483	(57.100)	(48.794)	102.181	112.964
Tổng nợ phải trả									**102.181**	**112.964**

	Miền Nam		Miền Bắc		Miền Trung		Loại trừ		Tổng cộng	
	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí mua sắm tài sản	-	320	-	-	-	-	-	-	-	320
Chi phí khấu hao	1.004	1.099	43	97	-	-	-	-	1.047	1.196

Công ty không có báo cáo bộ phận theo ngành nghề vì Công ty hiện chỉ đang hoạt động theo ngành nghề giao nhận vận tải, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo ngành nghề cần thiết phải thuyết minh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.21. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan	Mối quan hệ
1. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung	Công ty liên kết
2. Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	Công ty liên kết
3. Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết	Công ty liên kết
4. Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	Công ty liên kết
5. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	Công ty liên doanh
6. Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	Công ty liên doanh
7. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Công ty liên doanh
8. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng:		
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật	64.656.518	19.348.843
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	15.590.850	-
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung	6.636.000	-
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	-	3.894.003
Cộng – Xem thêm Mục 4.2	**86.883.368**	**23.242.846**

	Tại ngày 30/06/2023 VND	Tại ngày 01/01/2023 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn:		
Công ty Cổ phần Logistics Kim Thành	1.000.000.000	1.000.000.000

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	522.261.963	59.885.937
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	42.631.500	
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	41.371.845	198.534.924
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	9.571.956	4.009.090
Công ty TNHH Điều hành vận chuyển Hàng Hóa Liên Kết	-	1.587.731
Cộng – Xem thêm Mục 4.14	**615.837.264**	**264.017.682**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.21. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Nhận cung cấp dịch vụ:		
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	663.174.336	538.594.174
Công ty TNHH Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển	558.907.804	-
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	98.605.793	77.031.809
Công ty TNHH Vận tải Việt Nhật	44.728.903	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Miền Trung	11.052.635	14.699.282
Cộng	**1.376.469.471**	**630.325.265**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Góp vốn:		
Công ty Cổ phần Vận Chuyển Vinalink	2.000.000.000	-

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã chia:		
Ông Vũ Thế Đức	258.976.000	258.976.000
Ông Nguyễn Nam Tiến	81.248.000	71.648.000
Ông Vũ Quốc Bảo	57.600.000	48.000.000
Ông Nguyễn Quốc Huy	2.216.000	17.416.000
Cộng	**400.040.000**	**396.040.000**

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan.

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là theo giá thỏa thuận. Việc mua dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.21. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Ông Vũ Thế Đức	Chủ tịch HĐQT	305.000.000	303.000.000
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.323.792.190	1.933.874.135
Ông Vũ Quốc Bảo	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	1.200.851.434	1.702.355.543
Ông Nguyễn Quốc Huy	Thành viên HĐQT	76.500.000	72.000.000
Ông Lê Văn Hùng	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 26/04/2023)	9.000.000	58.500.000
Ông Đỗ Phú Kim	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 26/04/2023)	9.000.000	-
Cộng		**2.924.143.624**	**4.069.729.678**

4.22. Thu nhập Ban kiểm soát

Tên	Chức vụ	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng ban	76.500.000	72.000.000
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên	25.500.000	24.000.000
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên	25.500.000	24.000.000
Cộng		**127.500.000**	**120.000.000**

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.23. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Kỳ trước VND (Được báo cáo lại)	Kỳ trước VND (Đã được báo cáo trước đây)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	667.534.538.411	706.830.971.834
Giá vốn hàng bán	638.415.154.525	677.711.587.948
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.121	3.258
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.121	3.258

Việc báo cáo lại thông tin so sánh các chỉ tiêu "Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" và "Giá vốn hàng bán" nêu trên là do trình bày lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của kỳ kế toán 06 tháng liên quan đến việc loại trừ các giao dịch cung cấp dịch vụ giữa trụ sở chính và các chi nhánh – đơn vị trực thuộc. Việc loại trừ này không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh đã báo cáo trước đây.

Từ việc trình bày lại các thông tin như trên, các số liệu có liên quan được thuyết minh tại các mục "Doanh thu cung cấp dịch vụ" – Mục 4.14, "Giá vốn hàng bán" – Mục 4.15, "Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố" – Mục 4.18 và "Báo cáo bộ phận" – Mục 4.20 cũng được báo cáo lại tương ứng.

Việc báo cáo lại các thông tin so sánh của lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu do ảnh hưởng của việc Công ty đã phát hành 4.713.487 cổ phiếu vào ngày 25 tháng 07 năm 2023 để trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 301/2023/NQ/VNL-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 313/2023/NQ/VNL-HĐQT ngày 08 tháng 05 năm 2023.

4.24. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Vào ngày 27 tháng 06 năm 2023, Công ty đã nhận được Công văn số 4034/UBCK-QLCB của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) thông báo về việc đã công bố trên trang thông tin điện tử của UBCKNN về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty. Việc phát hành cổ phiếu này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 301/2023/NQ/VNL-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 04 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 313/2023/NQ/VNL-HĐQT ngày 08 tháng 05 năm 2023 với phương án phát hành 4.713.500 cổ phiếu, tương ứng 50% số lượng cổ phiếu đang lưu hành với mục đích chi trả cổ tức cho cổ đông.

Việc phát hành đã được hoàn thành vào ngày 25 tháng 07 năm 2023, với tổng số cổ phiếu đã phân phối là 4.713.487 cổ phiếu, tương ứng xấp xỉ 100% tổng số cổ phiếu dự kiến phát hành để trả cổ tức.

Vào ngày 04 tháng 08 năm 2023, Công ty đã nhận được Công văn số 5182/UBCK-QLCB của UBCKNN thông báo nhận được báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty với số lượng cổ phiếu Công ty đã phát hành để trả cổ tức là 4.713.487 cổ phiếu. Theo đó, vốn điều lệ (theo mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu) của Công ty tăng từ 94.270.000.000 VND lên 141.404.870.000 VND.

Công ty đã hoàn tất điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 20 vào ngày 17 tháng 08 năm 2023 với vốn điều lệ là 141.404.870.000 VND và các thủ tục về đăng ký, lưu ký, niêm yết cổ phiếu bổ sung với Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.25. Các thông tin khác

Ngày 14 tháng 11 năm 2014, Công ty có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HDĐB.14 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo hợp đồng số 2391/HĐHT.12, Công ty nhận trước tiền phân chia lợi nhuận hợp tác khoán gọn đến ngày 31 tháng 07 năm 2029 với số tiền là 36 tỷ VND và được phân bổ vào doanh thu hằng năm dựa vào lịch trình theo Công văn số 1360/2016/CV/VNL-ADM ngày 01 tháng 10 năm 2016 và Công văn số 420/2021/CV/VNL-ADM ngày 01 tháng 04 năm 2021. Và theo hợp đồng số 2392/HDĐB.14, Công ty sẽ bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Công ty (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sàn kho 9.397,08 m2, văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Theo thỏa thuận trên hợp đồng, Công ty sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất cho đến khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Công ty đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

Đến tháng 01 năm 2019, Công ty đã di dời hoạt động sang địa điểm kinh doanh mới tại Số 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và bàn giao toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại mặt bằng 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh nói trên.

Tuy nhiên, đến nay các Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh và Hợp đồng nguyên tắc như trên vẫn chưa được thanh lý do Ủy ban nhân dân TP. Hồ Chí Minh chưa có quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án và các quyết định có liên quan tại địa điểm 145 – 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyễn Nam Tiến	**Nguyễn Anh Nam**	**Lê Thị Thanh Thanh**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS
VINALINK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

TP Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 08 năm 2023

Giải trình Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2023
(kèm theo CBTT Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2023)

Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink giải trình về chênh lệch Lợi nhuận sau thuế TNDN giữa Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2023 và Báo cáo tài chính soát xét 6 tháng năm 2022 như sau:

Chỉ tiêu	BCTC soát xét 6 tháng năm 2023	BCTC soát xét 6 tháng năm 2022	Chênh lệch	% Tăng/giảm
Lợi nhuận sau thuế TNDN	22.230.819.945	30.600.775.391	-8.369.955.446	-27,35%

Kết quả kinh doanh 6 tháng năm 2023 giảm do:

- Tình hình thị trường xuất nhập khẩu giảm dẫn đến khối lượng dịch vụ giảm.
- Cước vận tải quốc tế giảm làm cho doanh thu và lợi nhuận giảm.
- Lợi nhuận được chia từ Công ty liên doanh, liên kết giảm.

Người đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0301776205 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN NAM TIẾN

Trụ sở chính : 226/2 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TPHCM - ĐT: 84.28.3991 9259
Email: thuky@vinalinklogistics.com – Website: www.vinalinklogistics.com